TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Số: 38/2023/HSST
Ngày: 05/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đình Loan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đính
Bà Hồ Thị Xuân Thiều

-Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Phước Thành – Kiểm sát V.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2023 tại Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2023/HSST ngày 09 tháng 3 năm 2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/HSST-QĐ ngày 20/3/2023 đối với bị cáo:

ĐẶNG LÊ TRỌNG P, sinh năm 1998 tại Bình Phước, tên gọi khác: P; nơi cư trú: Khu phố 7, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Con ông Đặng Trọng L1, sinh năm 1961 và bà Lê Thị V, sinh năm 1967; vợ, con: Không có; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân : ngày 10/03/2016 bị Công an huyện Chơn Thành xử phạt hành chính (phạt 1.250.000đ về hành vi xâm hại sức khỏe người khác; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2023 đến ngày 03/3/2023 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh.

Người có quyền L2, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Thị V, sinh năm 1967; Đặng Trọng L1, sinh năm 1961; cùng địa chỉ: Tổ 7, kp 7, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

2. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1980; địa chỉ: Kp 4, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

3. Từ Ngọc V1, sinh năm 1999; HKTT: Kp 4, phường Đài Sơn, thành phố Phan Rang, Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận; chổ ở: Kp 9, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

4. Nguyễn Văn L2, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 8, kp 8, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

5. Đào Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: Kp 5, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

6. Nguyễn Văn H, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 1, kp 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

7. Ngô Thị Tuyết N, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ 6, kp 3, phường Minh Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Lê Trọng P mở cở sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ "Trọng P" tại tổ 7, khu phố 7, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 44H8013553 được Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã Chơn Thành (trước đây là Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Chơn Thành) cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2021. Từ tháng 5 năm 2021, ngoài việc cầm cố, P còn cho người khác vay tiền thu lãi trên địa bàn thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Với số tiền vốn ban đầu là 300.000.000 đồng, P cho vay với hình thức trả tiền lãi hàng ngày với các gói vay: 10.000.000 đồng, 20.000.000 đồng, 30.000.000 đồng,……và thu tiền lãi từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày đến 8.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

Ban đầu, P cho những người quen biết vay, sau đó những người này sẽ giới thiệu cho những người khác có nhu cầu vay tiền sẽ gặp trực tiếp hoặc liên lạc qua mạng xã hội Zalo, facebook hoặc điện thoại di động cho P theo số điện thoại 0855.555.281 và 0372.733.139. Khi vay, P làm hợp đồng và yêu cầu người vay ký tên, không cầm cố tài sản. Tùy theo từng người vay mà P cho vay với mức lãi suất từ 0,3%/ngày đến 01%/ngày, tương đương 09%/tháng đến 30%/tháng, 108%/năm đến 360%/năm, gấp từ 5,4 lần đến 18 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định là 20%/năm. Người vay có thể trả tiền lãi cho P bằng tiền mặt hoặc thông qua hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 8989898888 hoặc 050110258035 ngân hàng Sacombank do P là người đứng tên chủ tài khoản. Đối với người vay không có khả năng đóng tiền, P thường gọi điện thoại, nhắn tin chửi bới và đến nhà khách hàng đe dọa, lăng mạ khách hàng nhằm gây sức ép để khách hàng vay pH trả nợ.

Quá trình điều tra đã xác định được P sử dụng 252.000.000 đồng cho 06 người vay, thu L2 bất chính 158.535.616 đồng, cụ thể:

1. Ông Nguyễn Văn H: ngày 26 tháng 7 năm 2022, ông H vay 47.000.000 đồng, trả lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất 0,5%/ngày. Ông H đã đóng cho P 05 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 35.250.000 đồng. Số tiền thu L2 bất chính P đã thu được là 31.386.986 đồng. Ông H còn nợ P số tiền gốc 47.000.000 đồng.

2. Ông Nguyễn Văn Th: ngày 26 tháng 7 năm 2022, ông Th vay 10.000.000 đồng, trả lãi 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất 0,4%/ngày. Ông Th đã đóng cho P 05 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, P đã thu L2 bất chính là 5.178.082 đồng. Ông Th còn nợ P số tiền gốc 10.000.000 đồng.

3. Ông Đào Văn T: từ ngày 25 tháng 8 năm 2022 đến ngày 04 tháng 01 năm 2023, ông T đã 03 lần vay tiền của P, cụ thể:

- Ngày 25 tháng 8 năm 2022, ông T vay 20.000.000 đồng, trả lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất 0,3%/ngày. Ông T đã đóng cho P 02 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 3.600.000 đồng và trả 20.000.000 đồng tiền gốc. P đã thu L2 bất chính 2.942.466 đồng;

- Ngày 01 tháng 11 năm 2022, ông T vay 60.000.000 đồng, trả lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất 0,5%/ngày. Ông T đã đóng cho P 01 tháng tiền lãi với số tiền là 9.000.000 đồng, P đã thu L2 bất chính 8.013.699 đồng;

- Ngày 01 tháng 12 năm 2022, ông T vay thêm 40.000.000 đồng, tổng số tiền ông T vay là 100.000.000 đồng, trả lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất 0,5%/ngày. Ông T chưa đóng tiền lãi (do đầu tháng 01/2023 sự việc bị phát hiện và khởi tố) và vẫn còn đang nợ P 100.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, tổng số tiền thu L2 bất chính P đã thu được khi cho ông T vay tiền là 16.832.877 đồng.

4. Ông Từ Ngọc V1: ngày 20 tháng 11 năm 2022, ông V1 vay 5.000.000 đồng, trả lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất 0,5%/ngày. Ông V1 đã đóng cho P 01 tháng tiền lãi với số tiền là 750.000 đồng và trả 5.000.000 đồng tiền gốc. P đã thu L2 bất chính là 667.808 đồng.

5. Chị Ngô Thị Tuyết N: tháng 5 năm 2021, chị N vay 20.000.000 đồng, trả lãi 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lãi suất 01%/ngày. Chị N đã đóng cho P 530 ngày tiền lãi với số tiền là 106.100.000 đồng, P đã thu L2 bất chính 100.291.781 đồng. Chị N còn nợ P 20.000.000 đồng tiền gốc.

6. Anh Nguyễn Văn L2: Ngày 05 tháng 7 năm 2022, anh L2 vay 50.000.000 đồng, trả lãi 5.000.000 đồng/tháng, lãi suất 0,333%/ngày, đã đóng cho P 01 tháng tiền lãi với số tiền là 5.000.000 đồng và trả 50.000.000 đồng tiền gốc. P đã thu L2 bất chính 4.178.082 đồng.

Tổng cộng bị cáo Đặng Lê Trọng P cho 6 người trên địa bàn thị xã Chơn Thành vay tổng số tiền 252.000.000 đồng, thu L2 bất chính tổng số tiền 158.535.616 đồng (Bút lục số: 46, 47, 49, 50, 56, 58, 60, 62, 63, 64, 68, 72, 80-82).

Đặng Lê Trọng P đã nộp 212.000.000 đồng khắc phục hậu quả.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh, số imei: 353869222582000 của Đặng Lê Trọng P;

- 1.300.000 đồng thu khi giữ khẩn cấp P và 6.220.000 đồng giữ khi khám xét khẩn cấp là tiền lãi P thu được;

- 01 cuốn sổ quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ của cơ sở kinh doanh "Cầm đồ Trọng P" dùng để quản lý dịch vụ cầm đồ.

- 01 cuốn sổ màu xanh, nhãn hiệu "CAMPUS" kích thước (25 x 18)cm dùng ghi chép việc cho vay tiền của P.

- 01 khẩu súng, loại súng Rulo, màu đen dài 20cm, thân súng rộng 6,5cm có ổ xoay, nhãn hiệu MADE IN CHINA SMITH & WESSON, trên bề mặt súng có ghi số ZP-5 và 10 vỏ đạn màu vàng có chiều dài 04cm, đường kính 01cm kèm theo 01 bao da màu nâu là đồ chơi mô hình dạng súng.

- 01 con dao dài 80cm, lưỡi dao dài 40cm, 01 bình xịt hơi cay màu đen, nhãn hiệu TAKE DOWN, loại 470g/16.59oz và 01 còng số 08 nhãn hiệu "BỘ CÔNG AN KC" và thu giữ của P.

- 01 hợp đồng cho vay tiền với Nguyễn Văn Th lập ngày 27 tháng 6 năm 2022; 01 hợp đồng cho vay tiền với Đào Văn T lập ngày 01 tháng 12 năm 2022; 04 hợp đồng cho vay tiền với Nguyễn Văn H lập ngày 26 tháng 02 năm 2022, ngày 01 tháng 3 năm 2022, ngày 01 tháng 6 năm 2022 và ngày 10 tháng 7 năm 2022; 01 hợp đồng cho vay tiền với Từ Ngọc V1 lập ngày 20 tháng 11 năm 2022; 03 giấy cho vay tiền với Nguyễn Thị Dạ Hương lập ngày 19 tháng 6 năm 2021, ngày 21 tháng 8 năm 2021 và ngày 25 tháng 12 năm 2021; 01 hợp đồng cho vay tiền với Đoàn Thị Thắm lập ngày 15 tháng 5 năm 2021; 55 mẫu hợp đồng cho vay tiền

- 01 căn cước công dân số 070.0.80.006476 mang tên Nguyễn Văn Th, 01 chứng minh nhân dân số 285.188.852 mang tên Đào Văn T và 01 chứng minh nhân dân số 285.622.149 mang tên Nguyễn Văn H.

Bản cáo trạng số 44/CT-VKS-HS ngày 08/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Đặng Lê Trọng P về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo khoản 2 Điều 201 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Do đó, Viện kiểm sát quyết định truy tố đối với bị cáo Đặng Lê Trọng P về tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 35; Điều 50; điểm s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Lê Trọng P mức phạt tiền từ 200 đến 250 triệu đồng.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và các vấn đề khác của vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo: Đồng ý về tội danh, điều luật mà đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị áp dụng với bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của mình sai trái và rất hối hận. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra V, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát V trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền L2 nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Tuyết N có mặt, ông Nguyễn Văn Th, Đào Văn T, Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Từ Ngọc V1, Nguyễn Văn L2 vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của người có quyền L2, nghĩa vụ liên quan không trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền L2, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ tháng 5 năm 2021 đến ngày 04 tháng 01 năm 2023, Đặng Lê Trọng P đã sử dụng số tiền 252.000.000đ cho 06 người trên địa bàn thị xã Chơn Thành vay tiền với mức lãi suất từ 0,3%/ngày đến 01%/ngày, tương đương từ 09%/tháng đến 30%/tháng, 108%/năm đến 360%/năm, gấp từ 5,4 lần đến 18 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định (20%/năm). Tổng số tiền Đặng Lê Trọng P thu L2 bất chính là 158.535.000 đồng (làm tròn số). Hành vi của bị cáo Đặng Lê Trọng P thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Do đó, cáo trạng số 44/CT-VKS-HS ngày 08/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Đặng Lê Trọng P về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

[3.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo cho ông Nguyễn Văn H, chị Ngô Thị Tuyết N vay tiền và thu L2 bất chính từng người trên 30.000.000đ nên pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự " *phạm tội hai lần trở lên*" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tác động gia đình giao nộp tiền khắc phục hậu quả. Bị cáo là lao động chính của gia đình. Tại phiên tòa,người có quyền L2 nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Từ phân tích trên, cần xử phạt bị cáo hình phạt đủ nghiêm, áp dụng hình phạt tiền cũng đủ để cải tạo riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 01/2021/ NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ

luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

[4.1]. Đối với khoản tiền gốc bị cáo P dùng để cho vay được xác định là phương tiện phạm tội nên bị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể tổng số tiền: 252.000.000đ

[4.2]. Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên bị truy thu để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể truy thu của bị cáo tổng số tiền: 13.041.096đ

[4.3]. Đối với khoản tiền gốc mà những người vay tiền chưa trả xong theo quy định của pháp luật (đã được trừ khoản tiền thu L2 bất chính mà bị cáo pH trả cho người vay), thì cần buộc người vay tiền nộp sung ngân sách nhà nước, tổng số tiền: 109.478.767đ cụ thể như sau:

+ Ông Nguyễn Văn H pH nộp số tiền là 15.613.014 đồng (số tiền gốc còn nợ 47.000.000đ – 31.000.000đ tiền thu L2 bất chính bị cáo đã nhận của ông H);

+ Ông Nguyễn Văn Th pH nộp số tiền là 4.821.918 đồng (số tiền gốc còn nợ 10.000.000đ – 5.178.082đ tiền thu L2 bất chính bị cáo đã nhận của ông Th);

+ Ông Đào Văn T pH nộp số tiền là 89.043.835 đồng (số tiền gốc còn nợ 100.000.000đ – 10.956.165đ tiền thu L2 bất chính bị cáo đã nhận của ông T);

[4.4]. Khoản tiền thu L2 bất chính (là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm) từ những người vay thì cần buộc bị cáo P pH trả lại cho người vay. Do bị cáo pH trả cho người vay khoản tiền thu L2 bất chính cần trừ vào khoản tiền các người vay chưa thực hiện, số tiền thu L2 bất chính còn lại cần buộc bị cáo có trách nhiệm tiếp tục trả lại cho người vay số tiền thu L2 bất chính còn lại với tổng số tiền là: 85.137.671đ cụ thể:

Buộc bị cáo Đặng Lê Trọng P có trách nhiệm trả lại cho:

+ Trả lại cho Từ Ngọc V1 số tiền: 667.808 đồng (số tiền bị cáo thu L2 bất chính của anh V1 là 667.808đ - 0đ tiền gốc anh V1 còn nợ);

+ Trả lại cho Ngô Thị Tuyết N số tiền: 80.291.781 đồng (số tiền bị cáo thu L2 bất chính của chị N là 100.291.781đ - 20.000.000đ tiền gốc chị N còn nợ);

+ Trả lại cho Nguyễn Văn L2 số tiền: 4.178.808 đồng (số tiền bị cáo thu L2 bất chính của anh L2 là 4.178.082đ - 0đ tiền gốc anh L2 còn nợ).

[5]. Về xử lý vật chứng:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh, số imei: 353869222582000 của Đặng Lê Trọng P sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 1.300.000 đồng thu khi giữ khẩn cấp P và 6.220.000 đồng giữ khi khám xét khẩn cấp là tiền lãi P thu được nên cần thiết tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

01 cuốn sổ quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ của cơ sở kinh doanh "Cầm đồ Trọng P" dùng để quản lý dịch vụ cầm đồ, không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho P;

01 cuốn sổ màu xanh, nhãn hiệu "CAMPUS" kích thước (25 x 18)cm dùng ghi chép việc cho vay tiền của P cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

01 khẩu súng, loại súng Rulo, màu đen dài 20cm, thân súng rộng 6,5cm có ổ xoay, nhãn hiệu MADE IN CHINA SMITH & WESSON, trên bề mặt súng có ghi số ZP-5 và 10 vỏ đạn màu vàng có chiều dài 04cm, đường kính 01cm kèm theo 01 bao da màu nâu là đồ chơi mô hình dạng súng.Tại Kết luận giám định số 1162/KL-KTHS ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Phân viện Khoa học hình sự (C09B) - Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Mẫu vật gửi giám định đều là đồ chơi mô hình dạng súng ổ quay, không có tính năng tác dụng của V1 khí nên căn cứ mục X của Quyết định số 88/2000/QĐ-BTM ngày 18 tháng 01 năm 2000 của Bộ Thương mại ban hành "Danh mục chi tiết hàng hoá cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện; hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện" và Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định "chi tiết Luật Thương mại về hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện" được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 43/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ thì khẩu súng loại súng Rulo nêu trên là đồ chơi nguy hiểm bị cấm nên chuyển theo hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với P nên HĐXX không xem xét giải quyết.

01 con dao dài 80cm, lưỡi dao dài 40cm, 01 bình xịt hơi cay màu đen, nhãn hiệu TAKE DOWN, loại 470g/16.59oz và 01 còng số 08 nhãn hiệu "BỘ CÔNG AN KC" và thu giữ của P là V1 khí thô sơ và công cụ hỗ trợ quy định tại khoản, khoản 11 Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng V1 khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ nên chuyển theo hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với P; (P không sử dụng các công cụ này trong việc thu nợ) nên không xem xét giải quyết.

01 hợp đồng cho vay tiền với Nguyễn Văn Th lập ngày 27 tháng 6 năm 2022; 01 hợp đồng cho vay tiền với Đào Văn T lập ngày 01 tháng 12 năm 2022; 04 hợp đồng cho vay tiền với Nguyễn Văn H lập ngày 26 tháng 02 năm 2022, ngày 01 tháng 3 năm 2022, ngày 01 tháng 6 năm 2022 và ngày 10 tháng 7 năm 2022; 01 hợp đồng cho vay tiền với Từ Ngọc V1 lập ngày 20 tháng 11 năm 2022; 03 giấy cho vay tiền với Nguyễn Thị Dạ Hương lập ngày 19 tháng 6 năm 2021, ngày 21 tháng 8 năm 2021 và ngày 25 tháng 12 năm 2021; 01 hợp đồng cho vay tiền với Đoàn Thị Thắm lập ngày 15 tháng 5 năm 2021; 55 mẫu hợp đồng cho vay tiền là các vật chứng của vụ án cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- 01 căn cước công dân số 070.0.80.006476 mang tên Nguyễn Văn Th, 01 chứng minh nhân dân số 285.188.852 mang tên Đào Văn T và 01 chứng minh nhân dân số 285.622.149 mang tên Nguyễn Văn H. Đây là các giấy tờ hợp pháp của người vay tiền nên cần trả lại.

Gia đình của P đã nộp 212.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành cần tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo pH chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Lê Trọng P phạm tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt

2.1. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1,2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 35; 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đặng Lê Trọng P 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng)

3. Về các biện pháp tư pháp:

3.1.Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh, số imei: 353869222582000 của Đặng Lê Trọng P

Tiếp tục tạm giữ số tiền 212.000.000đ gia đình bị cáo P giao nộp; số tiền 1.300.000 đồng thu khi giữ khẩn cấp P và 6.220.000 đồng giữ khi khám xét khẩn cấp để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 cuốn sổ quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ của cơ sở kinh doanh "Cầm đồ Trọng P" dùng để quản lý dịch vụ cầm đồ; 01 cuốn sổ màu xanh, nhãn hiệu "CAMPUS" kích thước (25 x 18)cm dùng ghi chép việc cho vay tiền của P; 01 hợp đồng cho vay tiền với Nguyễn Văn Th lập ngày 27 tháng 6 năm 2022; 01 hợp đồng cho vay tiền với Đào Văn T lập ngày 01 tháng 12 năm 2022; 04 hợp đồng cho vay tiền với Nguyễn Văn H lập ngày 26 tháng 02 năm 2022, ngày 01 tháng 3 năm 2022, ngày 01 tháng 6 năm 2022 và ngày 10 tháng 7 năm 2022; 01 hợp đồng cho vay tiền với Từ Ngọc V1 lập ngày 20 tháng 11 năm 2022; 03 giấy cho vay tiền với Nguyễn Thị Dạ Hương lập ngày 19 tháng 6 năm 2021, ngày 21 tháng 8 năm 2021 và ngày 25 tháng 12 năm 2021; 01 hợp đồng cho vay tiền với Đoàn Thị Thắm lập ngày 15 tháng 5 năm 2021; 55 mẫu hợp đồng cho vay tiền.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn Th 01 căn cước công dân số 070.0.80.006476 mang tên Nguyễn Văn Th; trả lại cho Đào Văn T 01 chứng minh nhân dân số 285.188.852 mang tên Đào Văn T; trả lại cho ông Nguyễn Văn H 01 chứng minh nhân dân số 285.622.149 mang tên Nguyễn Văn H.

3.2. Áp dụng nghị quyết 01/2021/ NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

3.2.1. Buộc bị cáo Đặng Lê Trọng P nộp để sung ngân sách nhà nước tổng số tiền: gốc 252.000.000 đồng + 13.041.096 đồng (tiền lãi 20%) = **265.041.096 đồng.**

3.2.2. Buộc người vay tiền nộp sung ngân sách nhà nước, tổng số tiền: 109.478.767đ đồng, cụ thể như sau:

+ Ông Nguyễn Văn H pH nộp số tiền là 15.613.014 đồng;

+ Ông Nguyễn Văn Th pH nộp số tiền là 4.821.918 đồng;

+ Ông Đào Văn T pH nộp số tiền là 89.043.835 đồng;

3.2.3. Buộc bị cáo Đặng Lê Trọng P tiếp tục trả lại cho người vay số tiền thu L2 bất chính còn lại với tổng số tiền là: 85.137.671đ, cụ thể:

Buộc bị cáo Đặng Lê Trọng P có trách nhiệm trả lại cho:

+ Trả lại cho Từ Ngọc V1 số tiền: 667.808 đồng;

+ Trả lại cho Ngô Thị Tuyết N số tiền: 80.291.781 đồng;

+ Trả lại cho Nguyễn Văn L2 số tiền: 4.178.808 đồng.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo pH chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền L2, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền L2, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND TX Chơn Thành;
- CCTHADS TX Chơn Thành;
- CA TX Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Loan